

Bản án số: 27/2023/DS-PT  
Ngày: 13 - 9 - 2023  
“V/v tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bính.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Vũ Tiến.

Ông Trần Ngọc Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Như Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 3 L, phường H, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Trần Văn T, địa chỉ: 7 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2023. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: 2 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ A, A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Lê Thị X; Địa chỉ: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X: Bà Phạm Thị X1; Địa chỉ: H H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn H2, sinh năm 1928 và cụ bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1932, kết hôn năm 1951, có sinh được 04 người con là: Nguyễn Văn C (đã chết năm 197, có vợ là Võ Thị H3 và có một người con trai là Nguyễn Văn Q); Nguyễn Thị Kim N; Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn H. Cụ bà Nguyễn Thị L chết năm 1970, khi chết không để lại tài sản gì. Cụ Nguyễn Văn H2 chết năm 2011. Trước khi chết cụ H2 có tạo lập được thửa đất số 213, tờ bản đồ 21 có diện tích 1030,8 m<sup>2</sup> tọa lạc tại 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Trước đây thửa đất có số hiệu E 383 do chế độ cũ cấp trích lục ngày 23/7/1956 đứng tên Nguyễn Văn X2). Cụ H2 chết không để lại di chúc. Ông Nguyễn Văn H xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H2 gồm 04 người là ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim N. Ông Nguyễn Văn C chết năm 1974 (chết trước cha của mình là cụ Nguyễn Văn H2) nên vợ con của ông Nguyễn Văn C là bà Võ Thị H3 và con trai Nguyễn Văn Q được nhận một kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C. Hiện nay thửa đất nêu trên đang do vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X quản lý, sử dụng.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất có diện tích khoảng 1.030,8 m<sup>2</sup> chia cho 04 kỷ phần thừa kế, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả đo vẽ theo hiện trạng thửa đất tranh chấp có diện tích 1,024m<sup>2</sup> nên ông yêu cầu chia thừa kế thửa đất có diện tích thấp hơn so với đơn khởi kiện ban đầu để phù hợp với hiện trạng của thửa đất.

Về phương thức chia thừa kế, ông đề nghị chia thành 02 thừa:

Thừa thứ nhất chia cho ông H1 có diện tích 320 m<sup>2</sup> gắn liền với ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,1 m<sup>2</sup> và nhà số B có diện tích 52 m<sup>2</sup> có trụ sắt phần lợp mái tôn có giá trị đất là 2.240.000.000 đồng. Phần đất chia cho ông H1 là 320m<sup>2</sup> là đã có trích công sức giữ gìn, tôn tạo thửa đất của ông H1 trong nhiều năm.

Thừa thứ hai chia cho 03 kỷ phần thừa kế là ông H, bà N và bà H3, ông Q diện tích là 704 m<sup>2</sup> gắn với công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> có giá trị đất là 4.928.000.000 đồng, công trình phụ có giá trị là 4.392.000 đồng, tổng

cộng là 4.932.392.000 đồng và giao cho ông H được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản nêu trên.

Về bồi thường các tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn H1 thì ông H tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng là công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> và hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng là tiền bồi thường một số cây trái trong vườn. Tổng cộng số tiền bồi thường là 20.000.000 đồng.

*Ông Trần Văn T – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do:

Theo nội dung của Thông báo thụ lý vụ án số 91/2022/TB-TLVA ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Huế thì ông H “*yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn H2 là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại 1 L, phường H, thành phố H, có diện tích 1.030m<sup>2</sup> và chia cho nguyên đơn một suất thừa kế có giá trị là 500.000.000 đồng*” nhưng tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia thừa kế thành hai phần, một phần cho ông H1 và một phần cho các đồng thừa kế còn lại là trái với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Về xác định hàng thừa kế: Nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định hàng thừa kế là bốn người gồm ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim N là không đúng. Những người được nhận thừa kế của ông H2 chỉ có ông H1, ông H và bà N. Ông C chết năm 1974, chết trước khi ông H2 tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất. Ông H2 được công nhận quyền sử dụng đất theo bản án phúc thẩm năm 2021. Ông C không được hưởng thừa kế của ông H2, nên con và vợ của ông C không được hưởng thừa kế thế vị của ông C.

Về xác định đất ở, đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa làm việc với cơ quan chuyên môn để xác định trong tổng diện tích đất là di sản thừa kế thì có bao nhiêu đất ở, bao nhiêu đất nông nghiệp để chia cho các đồng thừa kế đảm bảo công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về sau.

Về căn cứ khởi kiện: Kể từ thời điểm bản án của cấp phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì ông Nguyễn Văn H2 mới được công nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp này các đương sự phải tiến hành thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới có đủ điều kiện để khởi kiện chia di sản thừa kế, ông H dựa vào kết quả của hai bản án để khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện, đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn. Trường hợp không đình chỉ được vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và có văn bản gửi cơ quan chuyên môn thẩm định, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm rõ về quy hoạch, về diện tích đất ở, đất nông nghiệp được cấp.

Trường hợp nếu nguyên đơn đồng ý hoà giải để thoả thuận tại phiên tòa thì bị đơn cũng thống nhất phương án là xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H2 gồm 04 người là ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn

Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N; Về phương thức chia thừa kế thì đồng ý chia toàn bộ thửa đất có diện tích 1.024 m<sup>2</sup> cho 04 kỹ phần thừa kế và toàn bộ thửa đất chia thành 02 thửa: Thửa thứ nhất chia cho ông H1 có diện tích 355 m<sup>2</sup> gắn liền ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,1 m<sup>2</sup> và nhà số B có diện tích 52 m<sup>2</sup> có trụ sắt phần lợp mái tôn và công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup>. Thửa thứ hai chia cho 03 kỹ phần thừa kế có diện tích còn lại.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có:* Bà Nguyễn Thị Kim N, bà Võ Văn H4 (vợ của ông C); anh Nguyễn Văn Q (con của ông C) thống nhất như lời khai của ông Nguyễn Văn H đều xác định Thửa đất số 213, tờ bản đồ 21 có diện tích 1.024 m<sup>2</sup> tọa lạc tại 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là di sản của cụ Nguyễn Văn H2. Nay ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật thì các ông bà cũng đồng ý. Thửa đất nêu trên có diện tích 1.024m<sup>2</sup> chia cho 04 kỹ phần thừa kế. Phần đất của các ông bà được hưởng thì sẽ giao hết cho ông Nguyễn Văn H quản lý sử dụng. Ông H có trách nhiệm giao giá trị bằng tiền tương ứng với một kỹ phần thừa kế mà các ông, bà được hưởng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X và người đại diện theo ủy quyền của bà X là bà Phạm Thị X1 trình bày:* Các bà thống nhất như lời trình bày của ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1.

Kết quả của Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Huế và Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực pháp luật, đã xác định Thửa đất số 213, tờ bản đồ 21 có diện tích 1030.8 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Trước đây thửa đất có số hiệu E 383 do chế độ cũ cấp trích lục ngày 23/7/1956 đứng tên Nguyễn Văn X2) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn H2. Công nhận toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; các Điều 35; Điều 40; Điều 147; Điều 165; Điều 227, Điều 267 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 611, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q1;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn H2 là năm 2011.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H2 là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.024 m<sup>2</sup> tọa lạc tại địa chỉ 1 L, phường H, thành phố H, có giá trị là 7.168.000.000 đồng.



4. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H2 gồm có: Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn C.

- Ông Nguyễn Văn C chết năm 1974 nên người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn Q được sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông C.

5. Xác định thừa đất số 213, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.024 m<sup>2</sup> tọa lạc tại địa chỉ 1 L, phường H, thành phố H, có giá trị là 7.168.000.000 đồng chia cho ông Nguyễn Văn H1 được hưởng phần di sản thừa kế với diện tích 320m<sup>2</sup> có giá trị 2.240.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng*); Chia cho ông Nguyễn Văn H được hưởng phần di sản thừa kế có diện tích là 234,6m<sup>2</sup> có giá trị 1.642.700.000 đồng và giao công trình phụ WC cho ông H sở hữu có giá trị là 4.392.000 đồng. Tổng cộng là: 1.647.092.000 đồng; Chia cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn Q mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế với diện tích 234,6m<sup>2</sup> có giá trị 1.642.700.000 đồng.

#### **6. Chia hiện vật như sau:**

- Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H1 được hưởng phần di sản thừa kế là: Thừa đất có ký hiệu thừa một (213-1) thuộc tờ bản đồ số 24, diện tích 320m<sup>2</sup> gắn liền với ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,1 m<sup>2</sup> và nhà số B có diện tích 52 m<sup>2</sup> có trụ sắt phần lợp mái tôn có giá trị đất là 2.240.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng*) tọa lạc tại: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tứ cận như sau:

- Bắc giáp: thừa thứ 2; Nam giáp: đường kiệt, Đông giáp: thừa thứ hai; Tây giáp: đường kiệt;

( Có sơ đồ hiện trạng nhà đất kèm theo).

- Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H được hưởng phần di sản thừa kế là: Thừa đất có ký hiệu thừa hai (213-2) thuộc tờ bản đồ số 24, diện tích 704 m<sup>2</sup> có công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có giá trị đất là 4.928.000.000 đồng (*Bốn tỷ chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*), công trình phụ WC có giá trị là 4.392.000 đồng, tổng cộng là 4.932.392.000 đồng, có tứ cận như sau:

- Bắc giáp: thừa 212; Nam giáp: đường kiệt và thừa thứ nhất, Đông giáp: đường kiệt; Tây giáp: đường kiệt và thừa thứ nhất;

( Có sơ đồ hiện trạng nhà đất kèm theo).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.642.700.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q số tiền 1.642.700.000 đồng là giá trị phần di sản của cụ Nguyễn Văn H2 mà bà N và anh Q là người được hưởng.

- Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản trên đất là công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> và các tài sản khác cho ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị X số tiền 20.000.000 đồng.

#### **7. Về án phí:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu: 36.000.000+ (3% x 847.092.000 đồng là phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) = 36.000.000 đồng+ 25.412.760 đồng = 61.412.760 đồng. Tại thời điểm xét xử ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội ông Nguyễn Văn H được miễn số tiền án phí là 61.412.760 đồng.

- Bị đơn Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu: 72.000.000+ (2% x 240.000.000 là phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 2 tỷ đồng) = 72.000.000 đồng + 4.800.000 đồng = 76.800.000 đồng. Tại thời điểm xét xử ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn H1 được miễn số tiền án phí là 76.800.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N phải chịu: 36.000.000 + (3% x 842.700.000 đồng là phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) = 36.000.000 đồng+ 25.281.000 đồng= 61.281.000 đồng. Tại thời điểm xét xử ông bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội bà Nguyễn Thị N được miễn số tiền án phí là 61.281.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q phải chịu: 36.000.000 đồng + (3% x 842.700.000 đồng là phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) = 36.000.000 đồng+ 25.281.000 đồng= 61.281.000 đồng.

#### **8. Về chi phí định giá:** Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/11/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 64/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, giao xét xử lại theo hướng trả lại đơn, đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn chưa đủ căn cứ pháp lý để khởi kiện.

Ngày 28/02/2023 Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do đương sự vắng mặt.

Ngày 12/4 /2023 Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do đương sự vắng mặt.

Ngày 15/6/2023 Hội đồng xét xử ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cần đợi kết quả giám đốc thẩm của vụ án có liên quan giải quyết trước mới giải quyết được vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 23/6/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn khiếu nại hành vi tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Ngày 26/6/2023 Hội đồng xét xử ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án với lý do tạm đình chỉ không còn.

Ngày 17/7/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Ngày 20/7/2023 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Ngày 26/7/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 08/8/2023 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Quyết định có hiệu lực thi hành.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình; những người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không tự hòa giải, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đề nghị: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X; giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quyền kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lê Thị X được thực hiện trong hạn luật định; đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 272, 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm.

#### **[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế và bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thừa đất số 213, tờ bản đồ 21 có diện tích 1030.8 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (trước đây thừa đất có số hiệu E 383 do chế độ cũ cấp trích lục ngày 23/7/1956 đứng tên Nguyễn Văn X2) đã được xác định thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Văn H2 tại Bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Huế và Bản án phúc thẩm số 10/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; việc trong khối di sản do cụ H2 để lại có bao nhiêu đất ở, bao nhiêu đất nông nghiệp cũng đã được xác định trong Bản án nêu trên. Đây là sự kiện đã được xác định trong Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mình để lại mà không cần phải xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các đồng thừa kế, và Tòa án sơ thẩm không cần phải xác định lại diện tích đất ở, đất nông nghiệp trong khối di sản của cụ H2.

Kết quả đo vẽ và định giá tài sản 27/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định thừa đất số 213, tờ bản đồ 21 có diện tích 1.024 m<sup>2</sup>, có giá trị là 7.168.000.000 đồng, công trình phụ WC có giá trị là 4.392.000 đồng. Các bên đương sự thống nhất giá trị tài sản được định giá.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện; diện và hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn H2:



Cụ Nguyễn Văn H2 chết năm 2011, do đó pháp luật áp dụng để xác định thời điểm mở thừa kế của cụ H2 là Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ Điều 611 Bộ luật Dân sự 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ H2 được xác định vào ngày cụ chết là ngày 16/11/2011 và theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ H2 vẫn còn.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai thống nhất của các đương sự thì cụ H2 chết không để lại di chúc. Cụ H2 và vợ là bà Nguyễn Thị L có 04 người con chung. Ngoài ra, cụ H2 không có con nuôi, con ngoài giá thú; Bố, mẹ và vợ của cụ H2 đều chết trước cụ H2. Tại phiên tòa, ông Trần Văn T cho rằng nguyên đơn chưa cung cấp được những người thừa kế theo pháp luật nên còn thiếu. Hội đồng xét xử xét lời khai của ông H, ông H1, bà N, anh Q đều khai thống nhất những người thừa kế của ông H2 gồm: Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C chết năm 1974 nên người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn Q. Sự kiện pháp lý được các đương sự đều thừa nhận kể cả bị đơn nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, theo quy định tại các Điều 613, 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ H2 gồm 04 người con là các ông, bà: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Kim N. Ông C chết năm 1974 (chết trước thời điểm cụ H2 chết) nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự, con của ông C là ông Nguyễn Văn Q được thừa kế thế vị đối với kỷ phần thừa kế mà ông C được hưởng. Do đó, di sản của cụ H2 được chia đều cho 04 kỷ phần.

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế:

Di sản để lại có diện tích 1.024 m<sup>2</sup>, có giá trị là 7.168.000.000 đồng, được chia cho 04 kỷ phần thừa kế, tương ứng với 1 kỷ phần được hưởng 256 m<sup>2</sup> với giá trị 1.792.000.000 đồng. Căn cứ vào hiện trạng thửa đất, nguyện vọng đa số của các đồng thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản cho nguyên đơn và bị đơn bằng hiện vật và chia cho các đồng thừa kế khác bằng giá trị là đã xem xét, cân nhắc đến hiện trạng các công trình xây dựng trên đất để đảm bảo không bị tháo dỡ tài sản là phù hợp.

Kỷ phần của ông Nguyễn Văn H1 được hưởng sau khi xem xét công sức tôn tạo, bảo quản di sản là thửa đất có diện tích 320m<sup>2</sup> gắn liền với ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,1 m<sup>2</sup> và nhà số B có diện tích 52 m<sup>2</sup> có trụ sắt phần lợp mái tôn có giá trị đất là 2.240.000.000 đồng. Như vậy, phần di sản ông H1 được hưởng đã lớn hơn nhiều so với kỷ phần các đồng thừa kế khác.

Ông Nguyễn Văn H được hưởng phần di sản thừa kế là thửa đất có ký hiệu thửa hai (213-2) thuộc tờ bản đồ số 24, diện tích 704 m<sup>2</sup> có công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> có giá trị đất là 4.928.000.000 đồng, công trình phụ WC có giá trị là 4.392.000 đồng, tổng cộng là 4.932.392.000 đồng. Ông H có trách nhiệm thanh toán lại giá trị bằng tiền tương ứng cho bà N, ông Q mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị là 1.642.700.000 đồng.

Căn cứ kết quả Bản án phúc thẩm số 10/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực pháp luật đã công nhận toàn

bộ tài sản gắn liền với thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X; Hội đồng xét xử đã ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản trên đất là công trình phụ WC diện tích xây dựng 6,1 m<sup>2</sup> và các tài sản khác là cây cối trên đất cho ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị X số tiền 20.000.000 đồng (cao hơn giá trị tài sản qua định giá) là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của ông H1.

[3] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng các quyết định tại Bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X cũng không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình; lý do kháng cáo là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông H1 và bà X không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu: 61.412.760 đồng.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu: 76.800.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N phải chịu: 61.281.000 đồng.

Do ông H, ông H1 và bà N đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, ông H, ông H1 và bà N đều được miễn toàn bộ số tiền án phí nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q phải chịu: 61.281.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X không được chấp nhận nên ông H1, bà X mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông H1 và bà X đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H1 và bà X đều được miễn toàn bộ số tiền án phí nêu trên.

Tuyên trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X số tiền 300.000 đồng đã nộp tại các biên lai thu tiền số: 0005331 và 0005332 ngày 07/12/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X;

2. Giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 3 L, phường H, thành phố H, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Trần Văn T, địa chỉ: 7 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2023.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: 2 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ A, A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Lê Thị X; Địa chỉ: 1 L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X: Bà Phạm Thị X1; Địa chỉ: H H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X không được chấp nhận nên ông H1, bà X mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông H1 và bà X đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H1 và bà X đều được miễn toàn bộ số tiền án phí nêu trên.

Tuyên trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị X số tiền 300.000 đồng đã nộp tại các biên lai thu tiền số: 0005331 và 0005332 ngày 07/12/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hưng Bính**

- Lưu Tòa DS; HCTP; Lưu HS.



***Nơi nhận:***

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; HCTP; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hưng Bính**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Vũ Tiến**

**Trần Ngọc Tú**

**Trần Hưng Bính**